

Ngày	4,000 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.1%	-9.1%	-13.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,300 - 7,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25
Số lượng CPLH (CP)	6,135,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	110
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	(0.00)
EPS	185
P/E	21.6

DT thuần

Q1/24

53.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.8| -30.8%

YoY: ▲39.4| 277%

LN trước thuế

Q1/24

0.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.54| 540%

YoY: ▲0.40| 999%

LN sau thuế

Q1/24

0.35

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.42| 602%

YoY: ▲0.32| 1072%

ROA

2023

0.4%

+/- YoY: ▼0.3%

DT thuần

2023

216

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.0| -8.3%

LN trước thuế

2023

0.58

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.40| -40.9%

LN sau thuế

2023

0.46

tỷ VNĐ

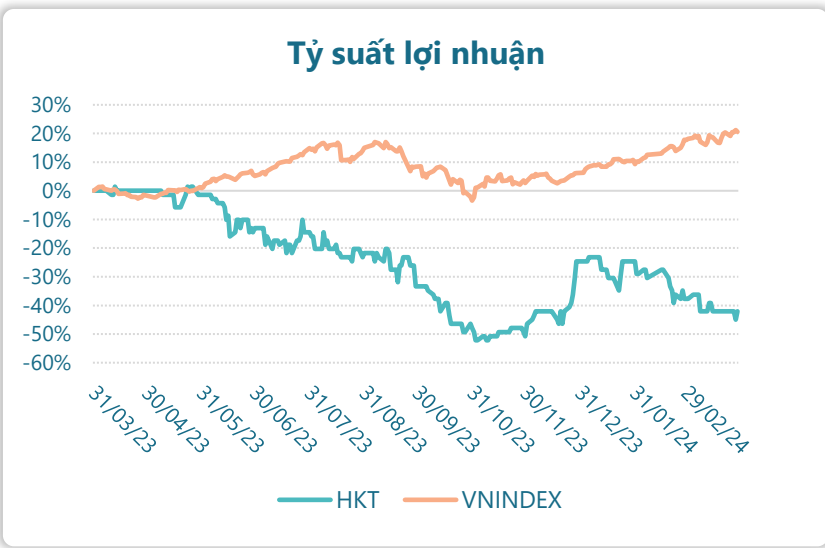
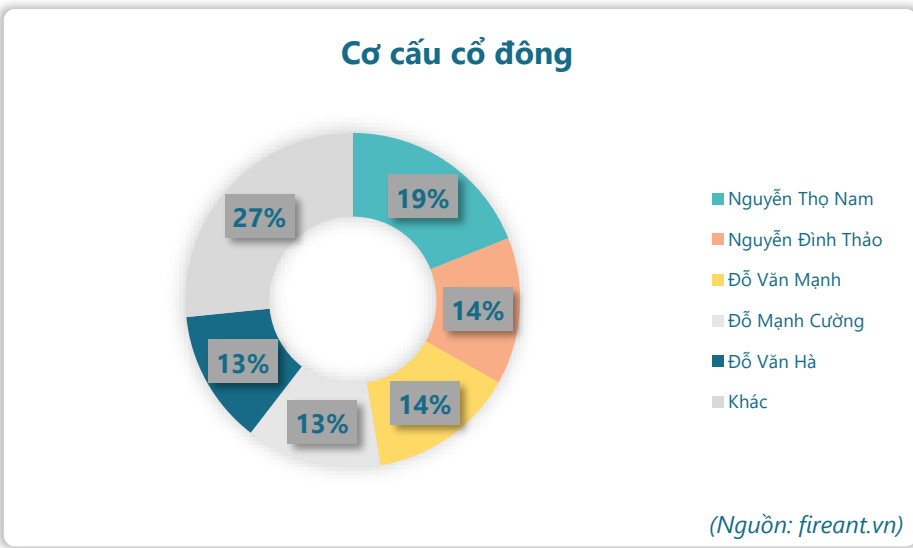
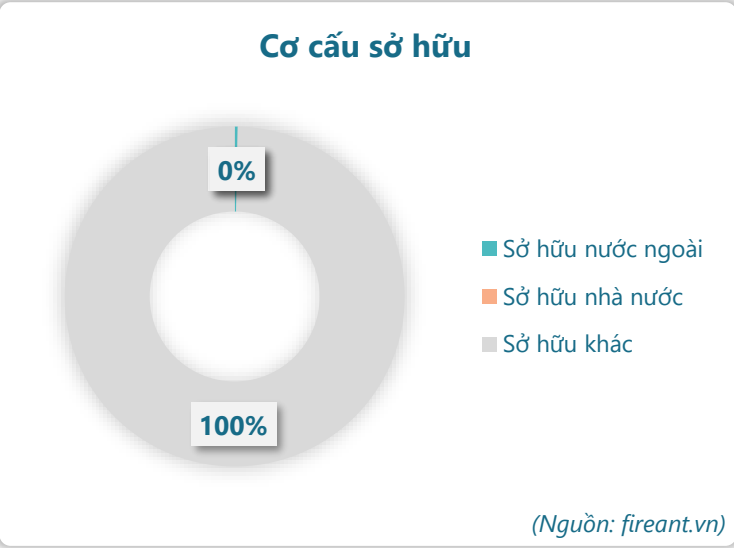
YoY: ▼0.28| -38.0%

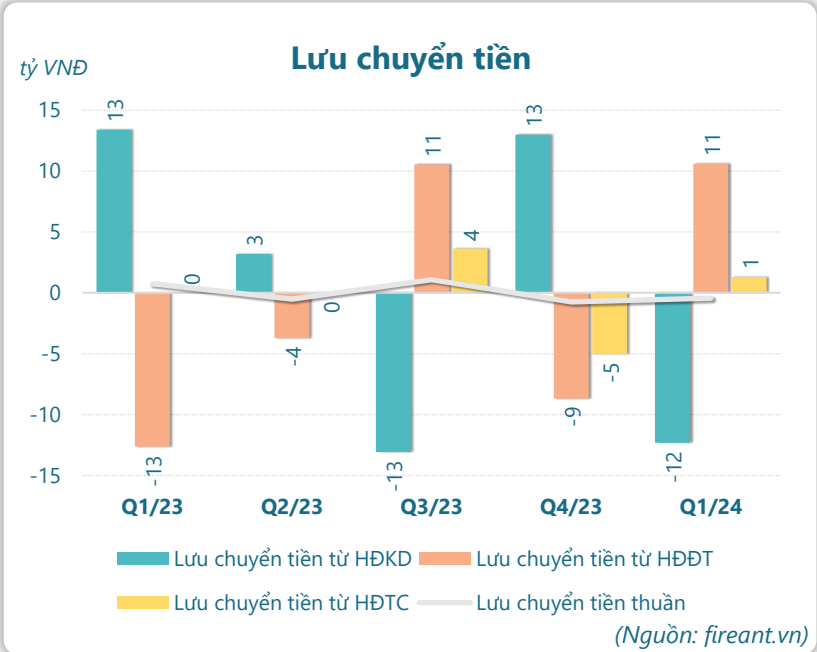
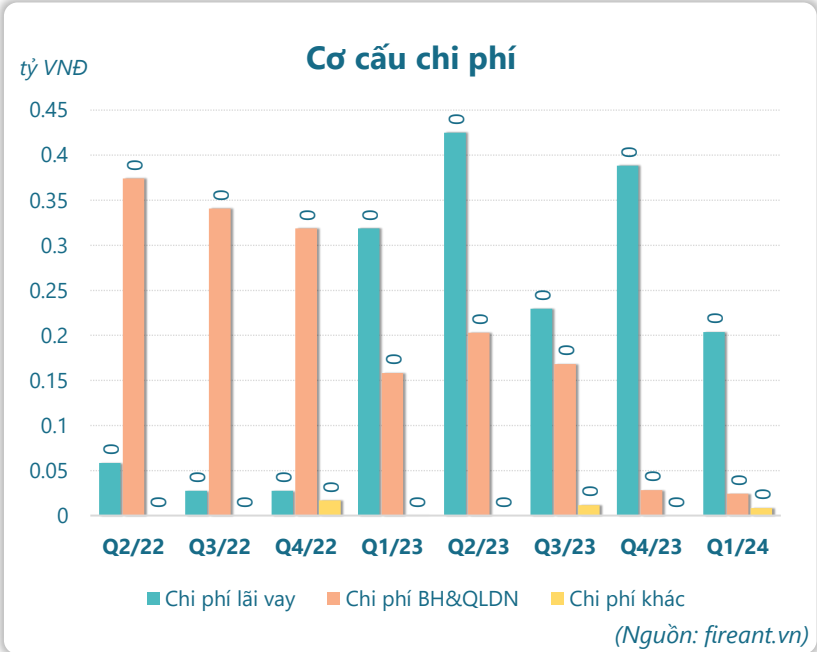
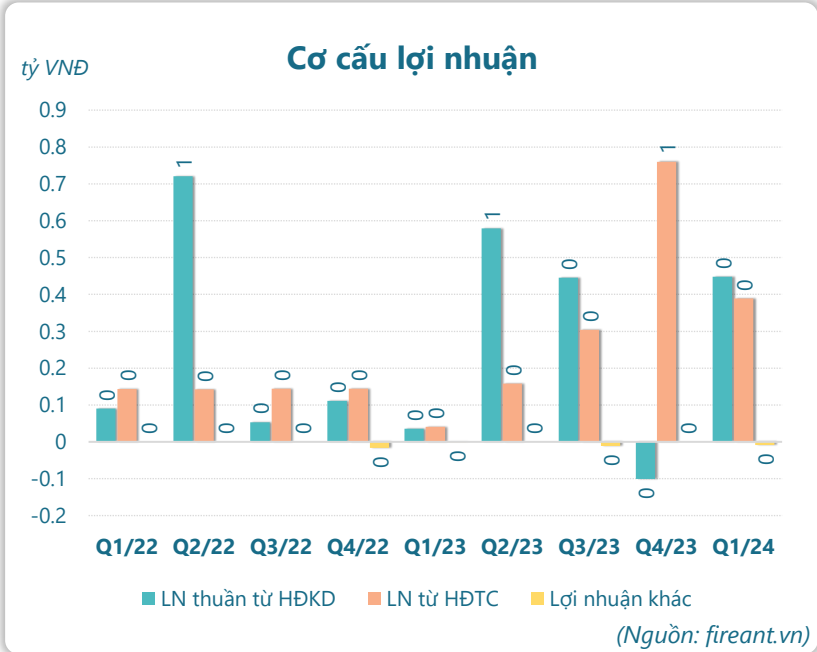
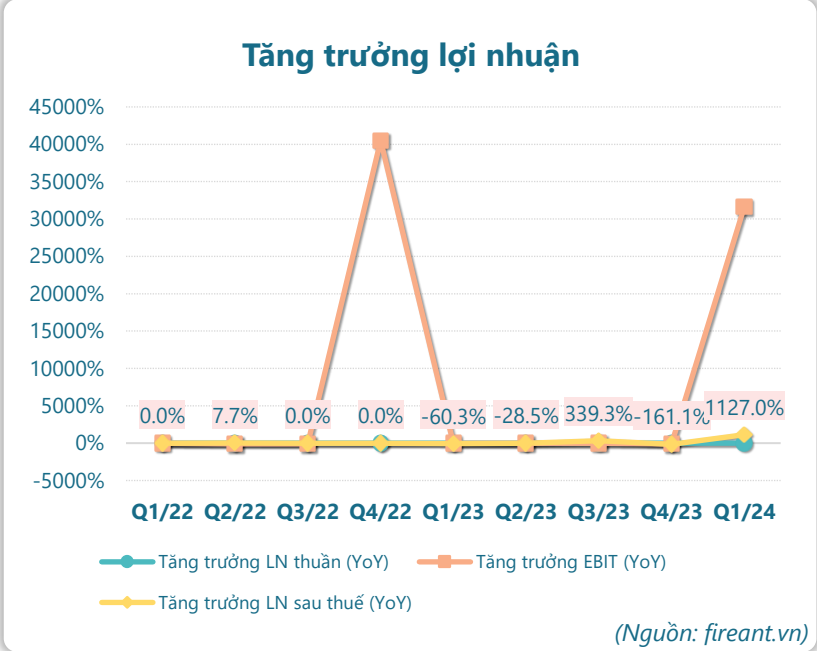
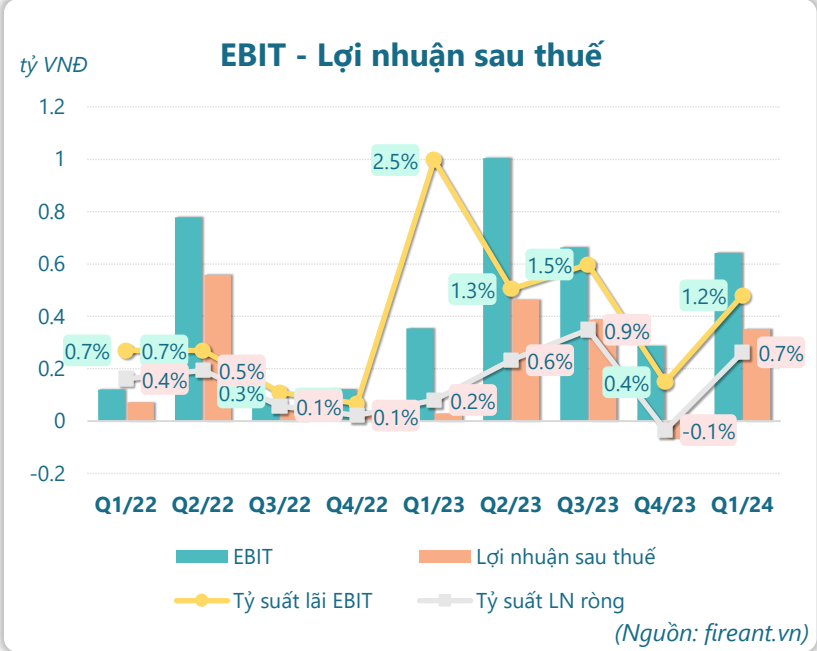
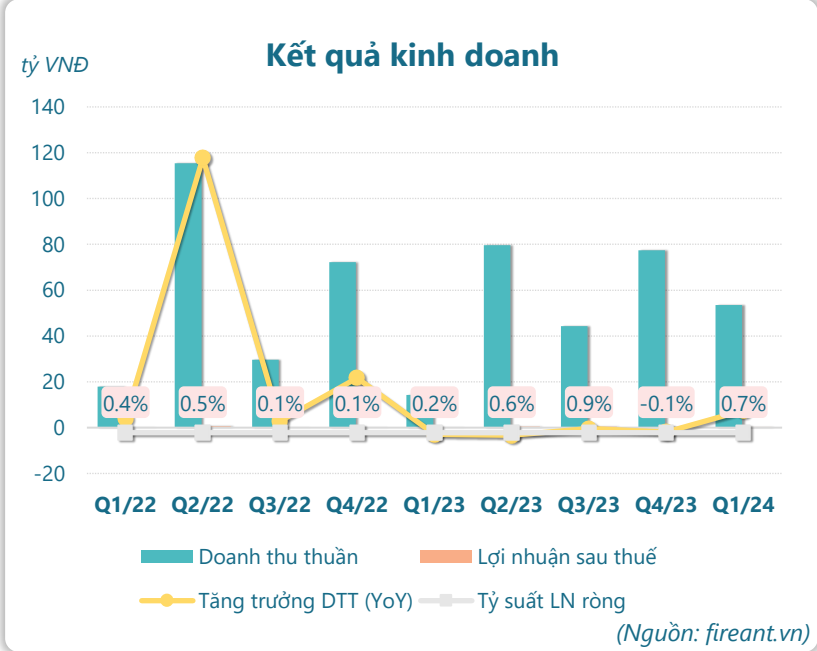
ROE

2023

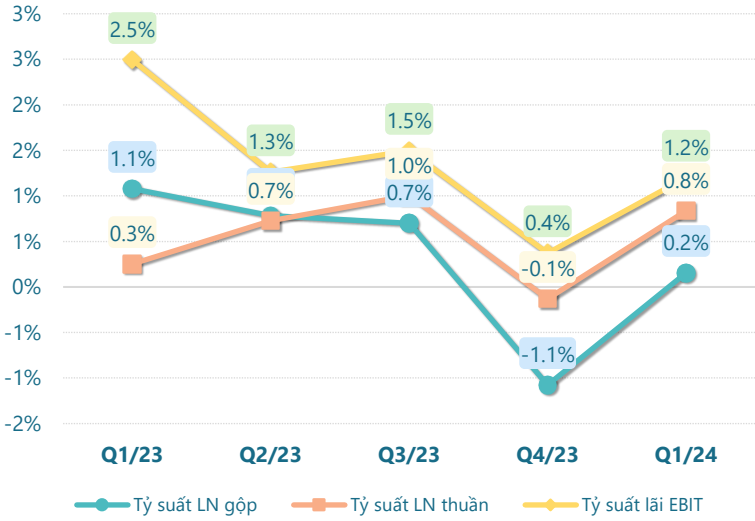
0.7%

+/- YoY: ▼0.4%

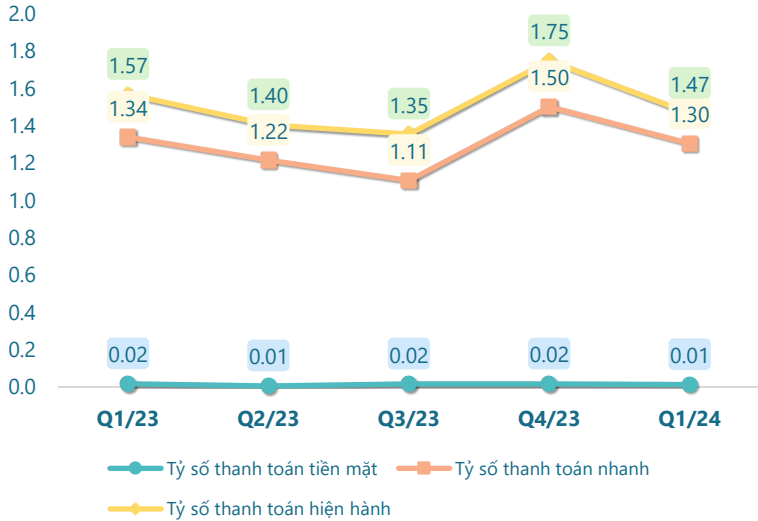




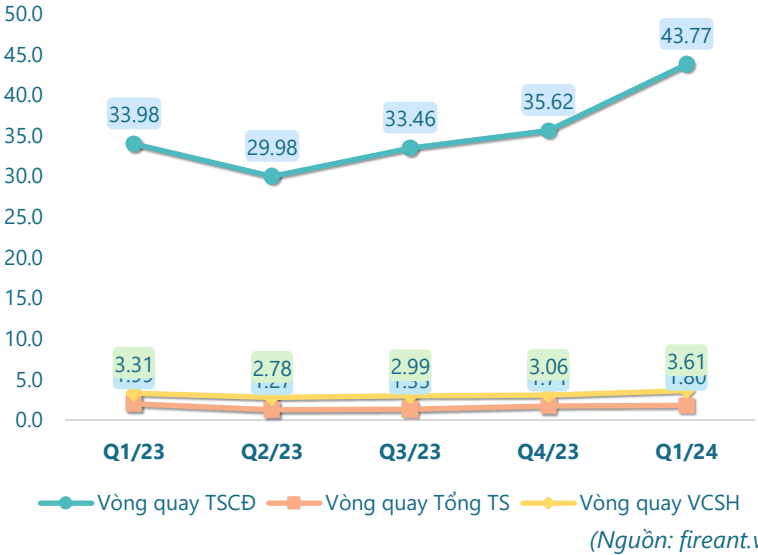
Tỷ suất lợi nhuận



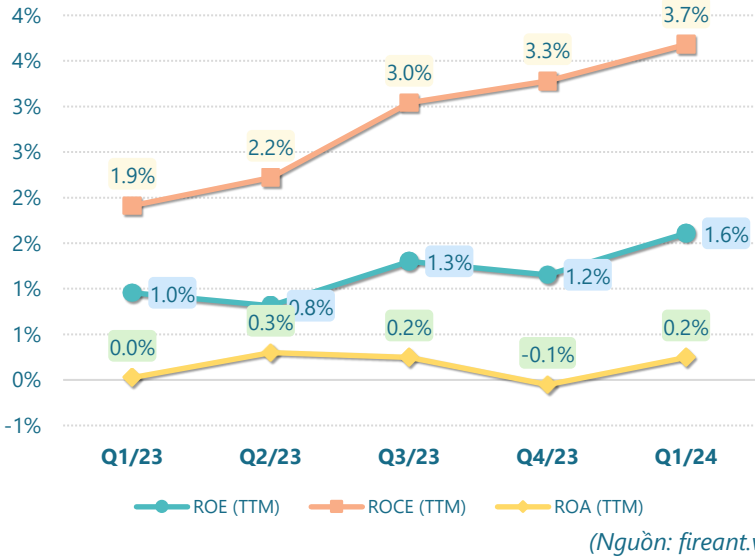
Chỉ số thanh khoản



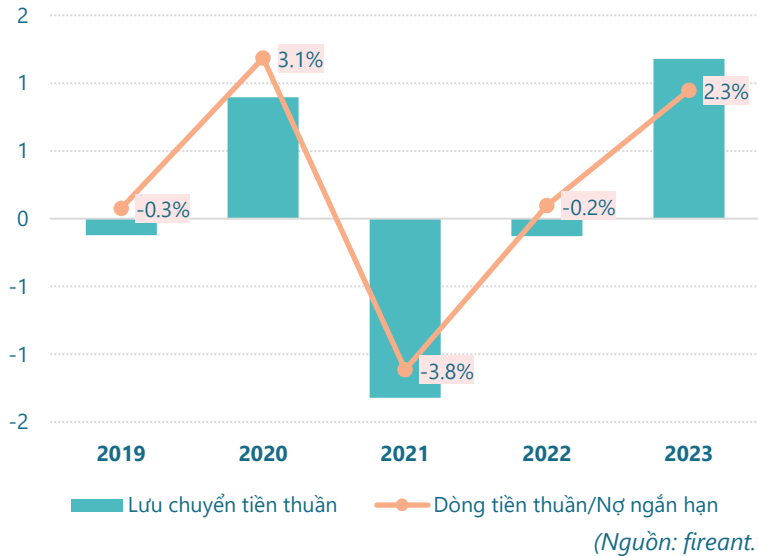
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

